

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ KIM ỨNG

PHONG CÁCH NGHỆ THUẬT
THƠ HUY CẬN QUA *LỬA THIÊN*

Chuyên ngành : Văn học Việt Nam

Mã số : 62 22 34 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
GS.TS. MAI QUỐC LIÊN

Thành phố Hồ Chí Minh – 2011

DẪN LUẬN

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Nghiên cứu thơ Huy Cận tức là nghiên cứu một trong những gương mặt thơ lớn của thời đại, một trong những nhà văn hóa có đóng góp đáng kể cho sự nghiệp văn học, văn hóa dân tộc Việt Nam thế kỷ XX.

Trên thi đàn Việt Nam vào những năm 1930-1945, từ phong trào Thơ mới đã xuất hiện những tài năng thơ, trong đó có Huy Cận, Xuân Diệu... Nhà phê bình văn học Hoài Thanh qua quyển *Thi nhân Việt Nam* đã nhận xét bước đầu về phong cách của các nhà thơ trẻ: “Tôi quyết rằng trong lịch sử thi ca Việt Nam chưa bao giờ có một thời đại phong phú như thời đại này. Chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện cùng một lần một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ, mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kỳ dị như Chế Lan Viên và thiết tha, rạo rức, băn khoăn như Xuân Diệu.” [128, tr. 37]

Dấu ấn phong cách thơ Huy Cận đã bắt đầu từ tập *Lửa thiêng* (ra đời năm 1940). Âm hưởng của tập thơ đã lan tỏa “một thời đại trong thi ca” (*tên tiêu luận của nhà phê bình Hoài Thanh, đăng trong *Thi nhân Việt Nam*) từ giữa thế kỷ XX đến nay.

Ngày nay, từ thế kỷ XXI, với cái nhìn mới, rộng mở chúng ta càng có cơ hội nghiên cứu thấu đáo hơn phong cách thơ đặc sắc của Huy Cận trong giai đoạn sáng tác trước Cách Mạng Tháng Tám (đặc biệt, nghiên cứu dày công về tập *Lửa thiêng*).

1.2. Xã hội Việt Nam đang đổi mới, chuyển biến, hội nhập thế giới. Hoạt động văn hóa nói chung đang được rộng mở. Các hoạt động lý luận, phê

bình văn học nghệ thuật mới của thế giới cũng được chúng ta nghiên cứu, gạn lọc, tiếp thu trên tinh thần “học xưa vì nay”, “học ngoài vì trong”. Trong đó, có thể kể đến sự gạn lọc, tiếp thu, vận dụng ở lĩnh vực nghiên cứu văn học.

Vì vậy, vấn đề nghiên cứu phong cách thơ Huy Cận trên cơ sở lý luận tổng hợp mới có ý nghĩa cấp thiết trong việc góp phần phục vụ sự nghiệp đổi mới, phát triển văn hóa, khoa học, giáo dục nước nhà.

Từ lòng ngưỡng mộ, yêu quý thơ ca Huy Cận, đặc biệt là tập thơ ***Lửa thiêng*** (với những câu thơ từ lâu ám ảnh sâu sắc trong tâm thức người viết: *Một chiếc linh hồn nhỏ: Mang mang thiên cổ sầu*); thêm nữa, từ những vấn đề thú vị đặt ra ở trên trong bối cảnh mới, đã tạo động lực cho người viết suy nghĩ, xác định và chọn lựa đề tài nghiên cứu **Phong cách nghệ thuật thơ Huy Cận qua *Lửa thiêng***.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở vận dụng một số đặc điểm lý luận văn học phương Đông truyền thống và lý luận văn học phương Tây hiện đại quen thuộc, luận án cụ thể hóa công việc tìm hiểu, khám phá thêm một số khía cạnh thi pháp thơ, ngôn ngữ thơ đầy tính sáng tạo độc đáo của nhà thơ Huy Cận. Và, cũng nhằm làm nổi bật vấn đề nghiên cứu phong cách nghệ thuật đặc sắc của nhà thơ trong quá trình từ khi tập thơ ra đời, luận án tìm hiểu những ảnh hưởng và âm hưởng của *Lửa thiêng* trong thời đại, so sánh đôi nét biểu hiện giống, khác nhau giữa thơ Huy Cận và thơ Xuân Diệu với một số nhà thơ cùng thời hoặc xuất hiện ở giai đoạn sau không lâu.

3. Lịch sử vấn đề

Tập thơ ***Lửa thiêng*** của Huy Cận ra mắt bạn đọc vào tháng 11, năm 1940 (nhà xuất bản Đời Nay của nhóm Tự Lực Văn Đoàn in ấn và phát hành, khoảng 3.000 cuốn). Tập thơ do họa sĩ Tô Ngọc Vân trình bày bìa với lời đề tựa của Xuân Diệu. Nhìn lại chặng đường dài 70 năm từ lúc ***Lửa thiêng*** ra đời

đến nay, qua khảo sát nhiều bài viết về tập thơ, người viết nhận thấy Xuân Diệu có thể được xếp là người đầu tiên có bài nhận xét, đánh giá, giới thiệu thơ Huy Cận với công chúng một cách bao quát và sớm nhất.

Xuân Diệu cảm nhận tinh tế *Lửa thiêng* - “nỗi thê thiết của ngàn đời”, “lớp sần dưới đáy hồn nhân thế”. *Lửa thiêng* mang “hồn xưa” xôn xao, đượm “một tấm lòng thương yêu không biết có tự đời nào, và đoạn thắm, hồi vui cùng nhuốm một màu vĩnh viễn”. Là bạn tri kỷ, tri âm của Huy Cận, ngay từ buổi đầu *Lửa thiêng* ra đời, ông đã “nghe”, đã “cảm” được “cảm giác không gian” và “cái sâu của vũ trụ” của Huy Cận: “...ta nghe xa vắng quanh mình; ta đứng trên thiên văn đài của linh hồn, nhìn cõi bát ngát; một cái buồn vời vợi dàn ra cho đến hư vô...”

Sau Xuân Diệu, hai nhà phê bình văn học Hoài Thanh- Hoài Chân có bài nhận xét *Lửa thiêng*: “...Huy Cận có lẽ đã sống một cuộc đời rất bình thường, nhưng người luôn lắng nghe mình sống để ghi lấy cái nhịp nhàng lặng lẽ của thế giới bên trong...”, “Người đã gọi dậy cái hồn buồn của Đông Á, người đã khơi lại cái mạch sâu mấy nghìn năm vẫn ngấm ngấm trong cõi đất này”. Hai nhà phê bình cũng cho rằng hồn thơ Huy Cận “trong cuộc viễn du đã có lần nhác thấy cái xa thẳm của thời gian và không gian...”, với “con đường về quá khứ đi càng xa, càng cô tịch, tứ bề càng vắng lặng, mênh mông...” [128, tr. 164-165]

Tâm trạng này, chính Chế Lan Viên qua một tứ thơ tương tự cũng đã bộc bạch một cách đau đáu về sự cô đơn trên nẻo đường riêng của thơ ông:

Đường về thu trước xa lắm lắm

Mà kẻ đi về chỉ một tôi.

Theo dõi những diễn biến thơ ca trên thi đàn lúc bấy giờ, Lương An viết trên báo Tràng An, số 12, tháng 3 năm 1941, tỏ ra khá ưu ái khi nhận xét *Lửa thiêng*:

“Tập thơ *Lửa thiêng* là một tập thơ rất đáng chú ý về tình cảm cũng như về văn pháp. Không cần so sánh cũng đủ nhận thấy đó là một tập thơ hay và tác giả là một thi nhân có đặc tài. Trong cuộc xây đắp thi giới nước nhà, một tập thơ như thế là tất cả sự gắng công, và có lẽ là một công trình văn nghệ đáng chú ý nữa.

Lửa thiêng ra đời, được hoan nghênh nhiệt liệt, cái đó không phải nghi ngờ gì nữa. Nhưng phần thưởng đích đáng nhất cho Huy Cận là tác phẩm của chàng sẽ được sống lâu.”

Trái với sự ngợi ca của nhiều người dành cho thơ Huy Cận, nhà phê bình Vũ Ngọc Phan trong *Nhà văn hiện đại* đánh giá *Lửa thiêng* có phần khe khắt hơn. Ông nhận xét thơ tả cảnh của Huy Cận vẫn còn mang nét chung “cái cảm giác của loài người từ thiên cổ mà thi nhân bao lần ca ngợi”, “...Huy Cận nghệ sĩ ở chỗ đó và cũng thiếu cái đặc sắc của nhà thơ ở chỗ đó: ông đã không đem cái tâm hồn của riêng ông để hòa cùng vũ trụ...” Vũ Ngọc Phan cũng cho rằng thơ tả tình của Huy Cận không có những câu “nồng nàn, tha thiết, nóng nảy như thơ Xuân Diệu”, “không nhớ nhung, đắm đuối như thơ Lưu Trọng Lư”. Lời tình tự của Huy Cận “rất đẹp, rất êm đềm, nhưng thật không phải những lời tha thiết tự tâm can...” [101, tr. 417-419]

Trong những thập niên 60, 70, và đặc biệt vào giữa đến cuối thập niên 80 của thế kỷ XX, các nhà nghiên cứu văn học Việt Nam bắt đầu có những công trình nghiên cứu mới dành cho trào lưu văn học lãng mạn 1930-1945. Phong trào Thơ mới với tác phẩm của những nhà thơ tên tuổi như Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Huy Thông, Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Bích Khê, Tế Hanh... được phân tích, đánh giá cởi mở hơn.

Ngoài những bài viết hoặc tiểu luận nghiên cứu về Huy Cận của Nguyễn Xuân Nam, Nguyễn Hoàn Khung, Nguyễn Đăng Mạnh, Mã Giang Lân..., một số chuyên luận của các tác giả Phan Cự Đệ, Hà Minh Đức, Lê Đình Ky...

ngiên cứu sâu về Thơ mới đều đề cập và phân tích tập thơ *Lửa thiêng* của Huy Cận.

Lửa thiêng không tách khỏi quỹ đạo chung của thơ ca lãng mạn giai đoạn này nhưng vẫn có những điểm riêng qua cảm nhận thời đại và quan niệm thẩm mỹ của Huy Cận. Nhà nghiên cứu Phan Cự Đệ nhận xét: “Quan điểm thẩm mỹ của các nhà thơ mới có nhiều điểm gặp gỡ với quan điểm nghệ thuật của các nhà văn lãng mạn phương Tây thế kỷ XIX. Nói chung đó là quan điểm “nghệ thuật vị nghệ thuật”. Và, tuy quan điểm mỹ học của các nhà lãng mạn ở nước ta thực ra cũng chẳng có gì mới so với các nhà lãng mạn phương Tây nhưng nó vẫn có những nét riêng, mới, lạ của thơ ca lãng mạn Việt Nam giai đoạn này. Nét riêng này được thể hiện từ quan niệm thẩm mỹ của thơ Thế Lữ với cái tôi nghệ sĩ là “cây đàn muôn điệu”; Xuân Diệu với quan niệm thẩm mỹ hồn thơ là “những khúc nhạc thơm”, “khúc nhạc hương”; Huy Thông đi tìm giấc mộng anh hùng trong lịch sử; Lưu Trọng Lư “hướng cái nhìn vào một thế giới mơ màng”; còn “chàng Huy Cận ngày xưa hay sầu lắm”, lại đi vào vũ trụ trăng sao...” [25, tr. 53]

Khảo sát phong trào Thơ mới như hệ quy chiếu từ thực tại xã hội đến quan niệm sáng tác, nhà nghiên cứu Hà Minh Đức nêu lên một số nội dung, một số đề tài được tìm thấy trong thơ mới: “cái tôi” cô đơn; tình yêu mộng tưởng; cảnh đẹp của thiên nhiên, sông núi, làng quê; tình yêu quê hương, đất nước... Và, bóc tách ra lớp vỏ bên ngoài của thơ ca lãng mạn, Hà Minh Đức nhận định cái “mạch ngầm” ý nghĩa trong Thơ mới: “Thơ mới chứa đựng nhiều nỗi niềm, niềm vui gắn bó với từng cuộc đời đến những nỗi buồn riêng thấm thía cô đơn và đau khổ. Trào lưu thi ca này như một tâm hồn trĩu nặng ưu tư và xao động trong tình cảm buồn vui, xót xa. Những tình cảm này gắn liền với từng cuộc đời thơ, nhưng cũng mang theo hơi thở chung của thời đại. Đó là tiếng nói, tâm tình của các tầng lớp tiểu tư sản thành thị trước một thực

tại không như mình mong muốn. Chế độ thực dân phong kiến ngày càng xiết chặt xiềng gông lên số phận mỗi con người.” [32, tr. 665-669]

“Cái tôi” vốn bé nhỏ và bị gò bó trong cuộc sống hằng ngày, nên luôn cảm thấy thiếu một tầm vóc, thiếu một tiềm lực. Các nhà thơ mới Huy Cận, Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Tế Hanh... ít nhiều đều có những tứ thơ nói lên sự khát khao được giải phóng khỏi sự ngột ngạt, bế tắc của xã hội. Cái tôi trong thơ mới là cái tôi bộc lộ, cái tôi cảm xúc đang mở hết các giác quan để nhận biết thế giới xung quanh. Vũ trụ bao la, trời cao, biển rộng vẫn là những đối tượng mà cảm hứng thi ca muốn vươn tới để hòa nhập. Phải chăng vì thế, nói riêng trong *Lửa thiêng*, Huy Cận đã tìm đến vũ trụ bao la để tạo ra sự cảm hóa, để giải tỏa tâm tình, bộc lộ “cái tôi” riêng biệt của thi nhân?

Phân tích riêng thơ Huy Cận với ý nghĩa “ngọn *Lửa thiêng* trong đời và trong thơ”, Hà Minh Đức mô tả khá rõ nét cuộc hành trình tâm tư của một nhà thơ trong tình yêu, nỗi sầu đời lẫn yêu đời, những khát vọng vũ trụ thanh cao. Và, Hà Minh Đức giải thích nỗi buồn trong thơ Huy Cận: “Thơ Huy Cận buồn, căn bệnh tinh thần của một thế hệ không dễ đổi thay; nhưng nỗi buồn của *Lửa thiêng* không mang nhiều tính riêng tư, không gắn với dục vọng, đam mê để rồi chán chường, tuyệt vọng. Vẫn có một mạch tình cảm trong trẻo, thiết tha gắn bó ân cần với cuộc sống và nói như cách nói của tác giả sau này, đó là tâm trạng “yêu đời nên đau đời”.”

Viết về “Thơ mới - những bước thăng trầm”, nhà nghiên cứu Lê Đình Kỵ cũng dành không ít trang cho phần phân tích tập *Lửa thiêng* của Huy Cận. Về cái nền chung, Thơ mới nằm trong thời kỳ văn học lãng mạn 1930-1945 bộc lộ sự đổi mới về mặt thi pháp và tư duy thơ một cách tất yếu. Cụ thể qua sáng tác thơ ca, “những đổi mới ấy đã bộc lộ qua tư duy bằng liên tưởng, bằng ẩn tượng, cảm giác, bằng âm thanh, nhịp điệu, biến cái trừu tượng thành cụ thể, nối dài cái cụ thể bằng cái trừu tượng, nội tâm hóa ngoại giới, ngoại

giới hóa nội tâm... do ảnh hưởng trực tiếp của tư duy thơ thời hiện đại...” [62, tr. 458-461]

Trong chuyên luận mang tính lý luận, phê bình này, Lê Đình Ky nhận xét “cái màu riêng của hồn thơ Huy Cận là sự “đơn chiếc”, “cô độc” cho đến “chăn chiếu cũng mục cũng nở màu vĩnh viễn”. Huy Cận nói đến thời gian “vạn kỷ”, “vĩnh viễn” tưởng như không phải là nỗi niềm riêng tư của một ai đó, mà chính cuộc sống xã hội bấy giờ đã biến thiên như vậy.

Với sự hiểu biết uyên bác về thơ ca của một nhà nghiên cứu lý luận phê bình văn học, Lê Đình Ky nêu ý kiến M. Gorky nhận xét thơ Verlaine như một cách so sánh sâu sắc “trường hợp *Lửa thiêng*” của Huy Cận. Đó là: “những bài thơ luôn luôn buồn bã và thấm thía một nỗi phiền muộn sâu xa của thi sĩ, ta nghe rất rõ tiếng kêu gào của sự thất vọng, nỗi đau đớn của một tâm hồn tinh tế và dịu dàng, tâm hồn đó luôn khao khát ánh sáng, khao khát trong sạch, đi tìm Thượng đế nhưng không thấy, muốn yêu thương con người nhưng không thể được.” [62, tr. 468]

Cùng trong thập niên 60, 70, ở Sài Gòn, không kể những quan điểm xuyên tạc “nhà thơ tiền chiến” của một vài tác giả vùng văn học đô thị tạm chiếm, phần nhiều, các tác phẩm như *Việt Nam Văn học sử giản ước tân biên* của Phạm Thế Ngũ hay *Đi vào cõi thơ* của Bùi Giáng, *Dư vang nghệ thuật* của Trần Nhật Tân... đã luận bàn, phân tích nhiều vấn đề liên quan đến tập *Lửa thiêng* của Huy Cận.

Viết về hồn thơ Huy Cận qua *Lửa thiêng*, Phạm Thế Ngũ nêu một số nhận xét tương đối bao quát những vấn đề cốt lõi trong thơ Huy Cận: tình yêu thiên nhiên, sự mơ mộng trong tình yêu, nỗi buồn, tính suy tưởng về cuộc đời... Phạm Thế Ngũ nhận xét thơ Huy Cận chất chứa nhiều “tình yêu mãnh liệt nhưng hay giấu”; cùng đem thiên nhiên vào thơ nhưng ở thơ Xuân Diệu “thiên nhiên thường sục nức hương vị tình yêu và ngôn ngữ ái tình”, còn Huy

Cận thích nói đến “núi sông, cây cỏ bình thản, lặng lẽ, hàm súc, như tâm hồn tác giả”. Phạm Thế Ngũ nhận định thơ Huy Cận “hay sâu rồi trốn về đường thơ triết, ngẫm nghĩ về sự tẻ nhạt của cuộc đời và suy tưởng về cái chết...”. Điểm đáng chú ý ở đây, Phạm Thế Ngũ nhận xét nỗi buồn của Huy Cận là sự phản ứng của thời đại: “...Thơ Huy Cận đào sâu cái buồn mệnh mang ấy đã góp phần bổ túc cho một đề tài muôn thuở, làm phong phú thơ mới, ở một giai đoạn chuyên về đạo tình. Song ta có thể nói, qua năm 1938, ở xã hội Việt Nam, cái vui vẻ trẻ trung người ta, kể cả thanh niên uống đã tới chỗ cạn đáng. cái buồn của Huy Cận đây phải chăng là một phản ứng của thời đại. Người ta nghĩ đến những lời rầu rĩ, băng khuâng của Á Nam và Tản Đà. *Chiếc linh hồn nhỏ* là tác giả *Lửa thiêng*, phải chăng như một cánh chim đầu đàn tiên cảm cơn bão tố sắp tới” [99, tr. 575-579]

Có thể nói, những năm này, không khí “triết học hiện đại”, “triết học hiện sinh”... nói chung được giới thiệu tương đối rộng rãi ở các trường đại học vùng đô thị tạm chiếm. Đó là điều dễ hiểu khi một số lý thuyết, triết học của Kant, Bergson, Nietzsche, Heidegger, Husserl, Sartre, Merleau Ponty..., ít nhiều đã được Trần Nhật Tân vận dụng vào việc nghiên cứu thơ ca theo cách tiếp nhận “đa hệ” của ông. Qua các chương trong tiểu luận *Dư vang nghệ thuật* [126], ông phân tích quan niệm: “thơ là cái Đẹp”; “mơ về cái Đẹp”; “vũ trụ thi ảnh”; “âm điệu, nhạc tính trong thơ” v.v... Đáng chú ý, trong việc chọn lựa một số tác phẩm thơ ca làm đối tượng nghiên cứu, Trần Nhật Tân đã đề cập và trích chọn khá nhiều câu thơ trong tập *Lửa thiêng* của Huy Cận. *Lửa thiêng* được coi như một tác phẩm thơ ca Việt Nam tiêu biểu nhất, bao trùm được những vấn đề nhà nghiên cứu đã phân tích, gửi gắm.

Riêng, trường hợp Bùi Giáng đối với Huy Cận cũng là một “hiện tượng văn học” khá đặc biệt. Nhà thơ Bùi Giáng tự nhận ông chịu ảnh hưởng hồn thơ Huy Cận từ năm 16 tuổi khi học trung học ở Huế. Cách đánh giá của Bùi

Giáng về thơ ca nói chung thường thiên về trực cảm, có phần “lập dị” nhưng luôn để lộ kiến thức thật uyên bác về văn học Đông, Tây kim cổ. Ông say mê đọc thơ, thuộc thơ và bộc lộ cảm nhận thơ Huy Cận theo suy nghĩ rất riêng, đầy cảm hứng mênh mang, sâu sắc, mạnh mẽ. Chẳng hạn, với sự thụ cảm, suy luận về thơ Huy Cận, Bùi Giáng “tuyên bố” quả quyết “... Tình yêu và lữ thứ, lữ thứ và không gian, đó là những gì quyết định hết nguồn thơ *Lửa thiêng*” [34]

Bước vào thập niên 90 của thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI, sự đổi mới nhiều mặt của đời sống kinh tế, xã hội Việt Nam đã tác động đến tình hình văn chương, học thuật Việt Nam đương đại. Sự vận dụng phương pháp nghiên cứu văn học dựa vào thi pháp học, ngôn ngữ học, phân tâm học... được tìm thấy qua nhiều bài viết và công trình nghiên cứu phong phú có liên quan đến Thơ mới nói chung, hay có “chạm” ít nhiều đến thơ Huy Cận nói riêng. Đội ngũ các nhà nghiên cứu, nhà văn, nhà thơ này, không phân biệt thế hệ tuổi tác, có thể kể tên: Đỗ Đức Hiệu, Trần Đình Sử, Mã Giang Lân, Trần Khánh Thành, Lý Hoài Thu, Lý Toàn Thắng, Đỗ Lai Thúy, Lê Tiến Dũng, Ngô Văn Phú, Vũ Quỳnh Phương, Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Đăng Điệp, Vu Gia, Chu Văn Sơn, Trần Huyền Sâm, Bùi Quang Tuyên, Trần Thiện Khanh, Lê Thị Anh v.v...

Tham khảo chuyên luận *Thi pháp thơ Huy Cận*, người viết tìm thấy công trình nghiên cứu công phu của Trần Khánh Thành về thơ Huy Cận (công trình nghiên cứu này bao quát những tác phẩm từ tập *Lửa thiêng* đến những tập thơ sáng tác sau Cách Mạng Tháng Tám). Dưới góc độ thi pháp học, ông phân tích quan niệm nghệ thuật, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, các phương thức biểu hiện và cái tôi trữ tình với nhiều đối cực trong thơ Huy Cận. Nhận định Huy Cận không tách rời hình tượng con người cô đơn với nỗi buồn sâu, tình yêu mộng mơ... qua *Lửa thiêng*, Trần Khánh Thành mô tả và